

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

QUÊ HƯƠNG

Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ:
“Ai bảo chăn trâu là khổ?”
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao.

Những ngày trốn học
Đuổi bướm cầu ao
Mẹ bắt được...
Chưa đánh roi nào đã khóc!
Có cô bé nhà bên
Nhìn tôi cười khúc khích...

Cách mạng bùng lên
Rồi kháng chiến trường kỳ
Quê tôi đây bóng giặc
Từ biệt mẹ tôi đi
Cô bé nhà bên (có ai ngờ!)
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)
Giữa cuộc hành quân không nói được một lời

Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại
Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi.

Hoà bình tôi trở về đây
Với mái trường xưa, bãi mía, luống cày
Lại gặp em
Thẹn thùng nép sau cánh cửa...
Vẫn khúc khích cười khi tôi hỏi nhỏ:
Chuyện chồng con (khó nói lắm anh ơi!)
Tôi nắm bàn tay nhỏ nhắn ngậm ngùi
Em vẫn để yên trong tay tôi nóng bỏng...

Hôm nay nhận được tin em
Không tin được dù đó là sự thật
Giặc bắn em rồi quăng mất xác
Chỉ vì em là du kích, em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người!

Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi...
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.

(Giang Nam, *Tình bạn tình yêu thơ*, NXBGD, Hà Nội, 1987)

Chú thích: Giang Nam, tên thật là Nguyễn Sung (1929 – 2023) là nhà thơ, nhà hoạt động cách mạng, được tặng giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2001. Bài thơ "Quê hương" là tác phẩm nổi tiếng, đi vào lòng bao thế hệ người đọc.

Câu 1. Cho biết thể thơ và dấu hiệu nhận biết thể thơ.

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 3. Chỉ ra yếu tố tự sự được thể hiện trong bài thơ.

Câu 4. Phần được viết trong dấu ngoặc đơn () trong bài thơ biểu hiện biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng.

Câu 5. Anh/chị ấn tượng nhất với chi tiết, hình ảnh nào trong bài thơ, vì sao ?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Viết một đoạn văn, nêu cảm nhận của anh/chị về bốn câu thơ cuối trong bài thơ trên.

Câu 2 (4 điểm). Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của nội lực đối với sự phát triển của cá nhân trong bối cảnh xã hội ngày nay.

----- HẾT -----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Văn bản trên được viết theo thể thơ tự do. - Dấu hiệu nhận biết: Số tiếng trong các câu thơ không đều nhau. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng mỗi ý như đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không đúng như đáp án: 0,0 điểm.	0,5
	2	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng hoặc từ 2 phương thức trở lên: 0,0 điểm.	0,5
	3	-Có người kể, ngôi kể, có câu chuyện với diễn biến cụ thể. -Nhân vật “tôi” và “cô bé nhà bên” quen nhau từ thuở còn chăn trâu, rồi lớn lên, “tôi” đi bộ đội, “cô bé nhà bên” vào du kích. Rồi cô bé nhà bên bị giặc bắt, giết... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm cho mỗi ý (hs chỉ nêu được 01 yếu tố của mỗi ý trên chấm 0,5 điểm). Có thể diễn đạt khác, có ý khác đúng vẫn ghi điểm.	1,0
	4	-Những cụm từ trong ngoặc đơn: Biện pháp nghệ thuật <i>chêm xen</i>. (0,5đ) -Tác dụng: + Bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình: tình thương yêu, quý mến đối với cô bé hàng xóm.(0.25đ) +Làm cho câu thơ tự nhiên, linh hoạt, tăng tính đối thoại.(0,25đ)	1,0
	5	Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được chi tiết, hình ảnh(0.5 điểm) - Hs lí giải được vì sao(0.5 đ)	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn, nêu cảm nhận của anh/chị về bốn câu thơ cuối trong bài thơ trên.	2.0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Viết đoạn nghị luận văn học.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận về một đoạn thơ.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề: Cụ thể :	1,0

	Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân đoạn: - Xưa yêu quê hương vì đây là nơi mà nhà thơ sinh ra, lớn lên; là nơi gắn liền với những kỉ niệm thời thơ ấu của tác giả. Rồi trải qua những mất mát lớn do chiến tranh, khái niệm quê hương có sự thay đổi trong nhân vật trữ tình. Nay, yêu quê hương không chỉ vì đây là mảnh đất đã gắn bó với tác giả, mà hơn hết, quê hương ngày hôm nay là quê hương mà biết bao thế hệ đã ngã xuống, đánh đổi xương máu để giành lại từ tay quân thù. - Thủ pháp nghệ thuật liệt kê khiến quê hương trở nên gần gũi, cụ thể. - Trách nhiệm của bản thân đối với quê hương bằng những việc làm cụ thể. Kết đoạn : Khái quát vấn đề. Hướng dẫn chấm: -Viết được tương đương như đáp án (4 ý): 1, 0 điểm - Viết được tương đương như đáp án (2 ý): 0,5 điểm - Viết chung chung : 0,25 điểm - Viết không đúng hoặc không viết: 0,0 điểm. (* Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục vẫn ghi điểm)	0,25 0,25 0,25 0,25
	d. Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của nội lực đối với sự phát triển của cá nhân trong bối cảnh xã hội ngày nay.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc, dung lượng bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. Bài viết khoảng 600 chữ. b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Vai trò của nội lực đối với sự phát triển cá nhân trong bối cảnh xã hội ngày nay. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cấu trúc, vấn đề cần nghị luận: 0,75 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng cấu trúc và vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25 0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm	2,5

	HS có thể viết bài theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: - Giải thích: + Nội lực: là sức mạnh, khả năng, tài năng của một cá nhân, một tổ chức hoặc một quốc gia để giải quyết các vấn đề, đối phó với thách thức và phát triển bản thân mà không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn lực bên ngoài (ngoại lực). Đó có thể là tài năng, tâm huyết, sự hiểu biết, lòng dũng cảm, sự tự do, niềm tin vào trí tuệ, tình cảm của bản thân.(0,5 điểm) + Phát triển cá nhân: là quá trình mỗi người trưởng thành, tiến bộ, hoàn thiện về mặt thể chất, tinh thần và kĩ năng.(0,25 điểm) - Vai trò của nội lực đối với sự phát triển cá nhân trong bối cảnh xã hội ngày nay. + Xã hội ngày nay đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho sự phát triển của mỗi cá nhân, nội lực (tài năng, sự hiểu biết, niềm tin ...) giúp cá nhân có khả năng vượt qua thách thức, kiên trì với mục tiêu.(0,5 điểm) + Nội lực giúp giữ vững tinh thần độc lập, khám phá ý tưởng mới tạo nên những đột phá, thành tựu.(0,25 điểm) + Nội lực thúc đẩy việc học tập, rèn luyện để phát triển kiến thức, kĩ năng phù hợp với yêu cầu của thời đại.(0,25 điểm) + Người có nội lực mạnh còn góp phần tích cực vào xây dựng, phát triển xã hội ...(0,25 điểm) - Liên hệ, mở rộng(0,5 điểm) + Nhận thức: Tầm quan trọng của việc phát triển nội lực để đối mặt với những thay đổi trong tương lai; kết hợp với ngoại lực (sức mạnh cộng đồng, dân tộc, thời đại) để tạo nên những đóng góp có ý nghĩa.(0,25 điểm) + Hành động: khuyến khích mọi người xây dựng và phát huy nội lực để đối mặt với thách thức, góp phần vào sự phát triển bền vững của cá nhân, xã hội, quốc gia.(0,25 điểm) Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 – 2,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,25 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm	0,75 1,25 0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu,	0,5

	phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng điểm		10.0

TT	Kỹ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức		Mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Đọc hiểu văn bản		2	2	1	5
		Tỉ lệ		10%	20%	10%	40%
2	Viết	1	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ)			1	1
		Tỉ lệ		20%	5%	15%	40%
		2	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ)			1	1
		Tỉ lệ		10%	5%	5%	20%
Tổng				2	2	3	
				40%	30%	30%	100%

II. Bản đặc tả:

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1.	Đọc hiểu	1. Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt, yếu tố tự sự, biện pháp tu từ trong thơ. Thông hiểu: - Dấu hiệu nhận biết thể thơ, cơ sở xác định yếu tố tự sự. - Tác dụng của biện pháp tu từ. Vận dụng: - Liên hệ được cho bản thân.	Theo ma trận ở trên.				
2.	Viết	1. Viết đoạn văn nghị luận	Nhận biết: Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận về đoạn thơ.					

		về thơ	Thông hiểu: Đánh giá được nội dung và nghệ thuật đoạn thơ. Vận dụng: Trách nhiệm của bản thân đối với quê hương bằng những việc làm cụ thể. Vận dụng cao: Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.		
		2. Nghị luận về một vấn đề xã hội.. (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	Nhận biết: - Giới thiệu về vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày rõ quan điểm của bản thân. Cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. - Giải thích hợp lý các luận điểm của vấn đề. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề.. Vận dụng cao: - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.		